

- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân D – Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Ông Vũ Hữu P, sinh năm 1955; nơi cư trú: thôn Tổng X, xã Thái H, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. *Người khởi kiện trình bày và yêu cầu:* Ngày 03/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hưng H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 9000/QĐ-UBND, với nội dung không thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho gia đình nhà bà, trong khi phần diện tích 288m² thuộc đất của gia đình bà, hiện không có tranh chấp và đủ điều kiện được cấp. Về nguồn gốc đất, năm 1960, gia đình bà (cụ P1 - mẹ của bà) có 01 mẫu 05 sào đất tự mua ruộng cấy, chính quyền xã cho chuyển đổi vào rìa làng 05 sào, còn 01 mẫu vào Hợp tác xã Nông nghiệp. Gia đình bà (cụ P1) làm nhà ở và ruộng cấy sau nhà (Đông giáp bờ ao bà H, Tây giáp cồn đất nhà ông A, bà R, Bắc giáp ruộng bà Ký S, Nam giáp sau nhà đất ông T. UBND xã Thái H làm máng nước qua đất nhà bà dài 13m, đào hết đất cấy lúa nhà bà, đắp máng nước đổi ra lòng cù trước cửa cạnh cồn ao nhà bà, vòng theo ra cù cửa chùa (ao biến thể), thiếu đất đắp máng lấy cồn đất ông A, bà R đào đắp, đổi đất ao nhà bà đã đào cho ông A, bà R mới cho đào cồn. Liền đất trước cửa ông A, giờ ông A làm nhà 02 tầng lên đất nhà bà từ lâu, trong sổ sách giờ là chủ đất, có cả con gái Trần Thị T cũng đứng chủ đất của nhà bà đổi cũ. Còn mẹ con bà sử dụng ao trước cửa và thung biến thể vòng lòng cù ra chùa T để tiện cả hai nhà sử dụng, nhưng vẫn nộp thuế đất các loại đóng góp của thôn, xã như cũ từ trước tới nay là 86.000đ (có chứng cứ) hàng năm trên diện tích thửa 26 ngày 11/8/2000. Tổng 05 sào đất ở và ao có trong 288m² này, giấy thuế thu bà đang còn giữ (đã được UBND xã công nhận). Đầu cồn của 288m² bà nung 6 lò gạch để làm nhà từ năm 1992 cả làng đều biết, sau đó bà bán quán lòng lợn tiết canh cả xã đều biết, ảnh chụp hiện trạng 288m² đang còn. Cạnh nhà bà là đền thờ bà C xóm rất linh thiêng từ thượng cổ tới nay đang còn tu tạo lại, sau mới đến thửa đất 288m² mà Chủ tịch huyện xác minh bà lấn chiếm làm nhà trái phép lên phần đất 288m² này. Năm 1994, cụ P1 tách đất cồn là ngõ đi trước cửa nhà cho bà sử dụng, có UBND xã công nhận, chứng cứ đang còn. Nhà ông Thân C1, bà H bà không bán chiếc cồn này (có chứng cứ kèm đơn). Bà thế chấp N hàng vay vốn từ năm 1995 tới 2004 (sổ đang còn có chữ ký UBND xã công nhận có 288m² cũng thế chấp ở trong thửa 26 ngày 11/8/2000 (có chứng cứ kèm đơn). Tới nay đã 32 năm bà ở, sử dụng không có đơn tranh chấp, nộp thuế các loại của xã, thôn thu không vướng mắc gì nhưng Chủ tịch huyện xác minh ông Vũ Hữu P đang là chủ sử dụng là không đúng. Bản án của Tòa án nhân dân huyện Hưng H ngày 09/9/2016 không ghi 288m² vào nơi quyết định nên đội thi hành án không thực thi. Năm 2017 bà có đơn lên UBND huyện Hưng H xin tách đất 288m² sang tên bà, tới nay là 04 năm, UBND huyện trả lời Quyết định số 9000 ngày 03/12/2020 là không đúng vì thực tế lúc bà vắng nhà, Thanh tra huyện (ông Lưu Quang P2) kết hợp UBND xã Thái H và ông Vũ Hữu P

đến phá công tre nhà bà, tự ý đo đạc tách đất 288m², xác định mốc giới phần diện tích giáp danh của 288m² cho ông Vũ Hữu P nhận giáp danh này, tới nay cọc sắt mốc giới đang còn nên bà không đồng ý với nội dung trả lời trong Quyết định 9000 của UBND huyện Hưng H về xác định mốc giới đo ngày 10/7/2000. Thực tế trong sổ sách của UBND huyện Hưng H và UBND xã Thái H 288m² này trong sổ sách đứng tên ông Vũ Đức H1 là chủ sử dụng đất hiện nay (có chứng cứ kèm theo). Còn bà không có tên trong sổ sách. Ông H1 chết năm 1971, nhưng ngày 10/11/1985 lại đăng ký quyền chủ sử dụng đất nằm trong thửa đất 26 ngày 01/8/2000 mang tên bà chủ sử dụng 2552m², có 288m² ở trong 2552m² này. UBND huyện trả lời trong quyết định bổ sung 288m² là cù hoang hóa giao cho bà năm 2000 là không đúng. Bà nhập khẩu năm 1989 (có nhà, có đất, mới chia ruộng cấy từ năm 1989 được). Theo pháp luật đã quy định bà nhập khẩu từ năm 1989 đến nay 32 năm, nộp thuế các loại sử dụng có 288m² này không có đơn tranh chấp. Việc UBND huyện căn cứ vào bản án dân sự phúc thẩm số 06/2017 ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã có hiệu lực pháp luật mà chưa được thi hành án, làm căn cứ từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Vì bà đang khiếu nại ở Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 03/8/2020. Bà gửi kèm cả Thông báo số 700 ngày 29/11/2013 của Tòa án cấp cao cùng Thông báo số 666 ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết đơn thư của công dân kèm đơn này, bà không kháng cáo 288m² và không khiếu nại 288m² này lên Tòa án nhân dân tối cao. Nay bà yêu cầu giải quyết là: Hủy Quyết định số 9000 ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Hưng H; Yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) do Quyết định số 9000 gây nên, gồm: Tiền xe đi lại lên Huyện từ năm 2008 tới năm 2020 một tháng 2 lần, đơn, chứng cứ công chứng, ngày công đi lại, ốm đau do đi lại: 30.000.000đ; Tiền xe đi lại lên tỉnh Thái Bình từ năm 2010 tới năm 2020 ba tháng một lần, giấy tờ, đơn từ công chứng, ngày công: 20.000.000đ; Tiền xe đi lại lên Trung ương từ năm 2010 tới năm 2020, giấy tờ công chứng đi lại + ngày công, chờ đợi, ốm đau, nằm viện do đi lại, chờ đợi giải quyết: 30.000.000đ; Vu khống cho bà san lấp làm nhà trái pháp luật lên đất 288m², làm mất danh dự, tổn thất: 50.000.000đ; Giả giấy tờ làm trái pháp luật, thu thuế của bà từ trước tới nay đất của bà làm chủ hộ khác còn bà không có tên bằng 20.000.000đ.

2. Người đại diện người bị kiện và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND huyện Hưng H trình bày: Yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N đề nghị hủy Quyết định số 9000/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Hưng H, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Vũ Thị N, yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000 đồng do Quyết định số 9000/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 gây nên là không có cơ sở, cụ thể như sau: Năm 2019, bà Vũ Thị N gửi đơn đến UBND huyện đề nghị cấp GCNQSDĐ cho bà đối với số diện tích 288m² đất nông nghiệp theo Bản án số 02/2016/DSST ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hưng H và Bản án số 06/2017/DS-PT ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh của các

phòng, ngành liên quan, đối chiếu với quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các quy định của pháp luật có liên quan, UBND huyện trả lời đơn đề nghị của bà Vũ Thị N tại Văn bản số 958/UBND-TNMT ngày 01/10/2019 “Chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đối với số diện tích 288m² đất nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai, vì 02 Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành”. Không nhất trí việc giải quyết trả lời của UBND huyện, bà Vũ Thị N khiếu nại Văn bản số 958/UBND-TNMT ngày 01/10/2019 của UBND huyện. Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày 02/3/2020 Chủ tịch UBND huyện Hưng H đã ban hành Quyết định số 1237/QĐ-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Vũ Thị N, thành lập Tổ xác minh khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Tổ xác minh tại Báo cáo số 06/BC-TXM ngày 12/11/2020 và kết quả đối thoại, ngày 03/12/2020, Chủ tịch UBND huyện Hưng H đã ban hành Quyết định số 9000/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Vũ Thị N: Giữ nguyên nội dung trả lời bà Vũ Thị N tại Văn bản số 958/UBND-TNMT ngày 01/10/2019 của UBND huyện Hưng H. Việc bà Vũ Thị N yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 288m² đất nông nghiệp là đất ở, đất ao là chưa đủ điều kiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Vì các lý do: Kết quả xác minh các hồ sơ, tài liệu quản lý đất đai qua các thời kỳ tại UBND xã Thái H và hồ sơ, tài liệu công dân cung cấp, cho thấy: Diện tích 288m² đất nông nghiệp bà Vũ Thị N đang sử dụng, trước đây là diện tích đất cù hoang do UBND xã Thái H quản lý, liền kề với thửa đất ao số 61 (bản đồ 299 đo đạc năm 1986) của cụ Trần Thị P1 (là mẹ đẻ bà N) và trên bản đồ 299 diện tích đất này không có số thửa. Năm 2000, thực hiện Quyết định số 948/2000/QĐ-UB ngày 25/9/2000 của UBND tỉnh Thái Bình, UBND xã Thái H đã cân đối giao bổ sung đất nông nghiệp cho gia đình bà N vào đoạn cù hoang này và trừ 57m² đất nông nghiệp giao ngoài đồng của gia đình bà N. Trong quá trình sử dụng bà N đã tự ý san lấp, chuyển mục đích sử dụng đất, xây nhà trên một phần diện tích đất này và sử dụng lấn vào một phần diện tích thửa đất ao số 61 (bản đồ 299 đo đạc năm 1986) của cụ P1 làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất. Năm 2006, thực hiện đo đạc lập Bản đồ địa chính, do bà N không có ở nhà nên khi đo đạc không xác định được ranh giới, mốc giới thửa đất; đơn vị đo đạc đã đo gộp diện tích 288m² đất trên vào 2 thửa đất, thửa số 67, diện tích 790,4m², loại đất ONT, LNK và thửa đất số 105, diện tích 591,9m², loại đất NTS của cụ Trần Thị P1 (là mẹ đẻ bà N). Do vậy, hiện nay không xác định được ranh giới, mốc giới giữa diện tích đất nông nghiệp 288m² bà N được giao năm 2000 với diện tích thửa đất ao số 67 (loại đất ONT, LNK) và thửa đất số 105 (loại đất NTS) của cụ P1. Năm 2013, bà Vũ Thị N có đơn khởi kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với các thửa đất: thửa đất số 59, 60, 61 thuộc tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299 đo đạc năm 1986) của cụ Vũ Đức H1, bà Trần Thị P1 (là bố mẹ đẻ bà N) với ông Vũ Đức P3 (là em trai bà N). Tại các Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2016/DSST ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hưng H và Bản án Dân sự phúc thẩm số 06/2017/DSPT ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N. Sau đó bà N có

đơn khiếu nại bản án số 06/2017/DSPT ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và cũng đã được trả lời tại Thông báo số 700/TB-TANDCC-DS ngày 29/11/2019 “Không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án 06/2017/DSPT ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình”. Tại các bản án (nêu trên) cũng đã xác định “...diện tích 288m² đất được UBND xã Thái H giao sử dụng từ năm 2000 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà N; trong quá trình sử dụng bà N đã tự ý vượt lập, làm mất hiện trạng và xây dựng nhà ở lên phần diện tích đất ao này, đồng thời xây nhà lấn vào thửa ao số 61 của cụ Trần Thị P1...”. Như vậy, Bản án Dân sự phúc thẩm số 06/2017/DSPT ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng H thì đến nay Bản án nêu trên chưa được thi hành do các bên đương sự chưa có đơn yêu cầu thi hành án. theo quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 và được Hợp nhất tại Văn bản số 13/BHN-VPQH ngày 29/6/2018. Ngày 10/7/2020, Tổ xác minh đã phối hợp cùng UBND xã Thái H và các bên có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà N để tách riêng diện tích 288m² đất nông nghiệp thành thửa đất mới để làm căn cứ xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N; song ông Vũ Đức P3 không đồng ý việc đo đạc với lý do các bản dân sự của Tòa án nhân dân các cấp về giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà N với ông chưa được thi hành. Trước đó vào năm 2018, khi bà N đề nghị đến các cơ quan có thẩm quyền tách phần diện tích 288m² để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 25/7/2018, UBND xã Thái H phối hợp cùng với các phòng, ngành liên quan của huyện, cơ sở thôn Tổng X làm việc với bà Vũ Thị N và ông Vũ Đức P3 để hướng dẫn, thống nhất ranh giới, mốc giới thửa đất. Tại buổi làm việc ông P3 đã đồng ý với các ý kiến đề xuất, hướng dẫn của UBND xã Thái H và các phòng ngành chuyên môn trong việc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất để tách diện tích đất 288m² cho bà N nhưng bà N không đồng ý. Như vậy: Căn cứ quy định của pháp luật đất đai thì diện tích 288m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Vũ Thị N nhưng trên bản đồ 299 (đo đạc năm 1986) diện tích đất trên không có số thửa. Quá trình sử dụng đất bà N tự chuyển mục đích sử dụng làm thay đổi hiện trạng và sử dụng lấn sang một phần diện tích thuộc thửa đất số 61 (theo bản đồ 299 đo đạc năm 1986) của bà Trần Thị P1 như các bản án của Tòa án nhân dân huyện Hưng H, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã xác định. Khi đo đạc lập bản đồ địa chính vào năm 2006, do bà N không có mặt tại địa P3 và theo hiện trạng sử dụng đất trên thực địa, phần diện tích 288m² đất nông nghiệp của bà N đã đo gộp vào thửa đất số 61 (theo bản đồ 299) của bà Trần Thị P1, nên hiện nay không xác định được ranh giới, mốc giới diện tích đất nông nghiệp 288m² bà N được giao năm 2000 với các thửa đất số 67 và thửa đất số 105 (theo bản đồ địa chính đo năm 2006) hiện do ông Vũ Đức P3 đang quản lý, sử dụng. Mặt khác, việc thi hành bản án dân sự về tranh chấp đất đai giữa bà Vũ Thị N với ông Vũ Đức P3 chưa được thi hành nên chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 288m² đất trên cho bà Vũ Thị N theo quy định

của Luật Đất đai. Sau khi phát sinh đơn đề nghị của công dân, UBND huyện Hưng H đã chỉ đạo các phòng ngành chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ bản chất sự việc. Quá trình kiểm tra, xác minh, ban hành các văn bản xử lý, giải quyết vụ việc đều tuân thủ theo đúng trình, tự thủ tục đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật Khiếu nại. Do vậy, việc người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9000/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện Hưng H, về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị N, địa chỉ thôn Tổng X, xã Thái H, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình (lần đầu); yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000đồng do Quyết định số 9000/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 gây nên là không có căn cứ để chấp nhận, không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Vũ Hữu P trình bày:* Ông P3 là em trai của bà Vũ Thị N. Diện tích 288m² mà bà N yêu cầu cấp GCNQSDĐ, diện tích này bà N vẫn đang sử dụng nhưng bà N đã xây nhà và công trình phụ trên diện tích ao đó. Bà N có tranh chấp ranh giới của diện tích đất này với ai không thì ông không biết, nhưng ông không tranh chấp gì với bà N về 288m² đất này. Ông Vũ Hữu P không đồng ý đối với các mốc giới mà bà N đã chỉ khi Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ, vì bà N đã chỉ mốc giới lấn chiếm vào phần đất ao mà ông đang được sử dụng hợp pháp như các Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Diện tích 288m² đất trên là đất thùng vũng của Hợp tác xã, sau đó đã trừ phần ruộng phần trăm của bố mẹ ông và của ông vào diện tích ao, thùng vũng bên cạnh. Sau khi có bản án sơ thẩm của Tòa án Hưng H và bản án phúc thẩm của Tòa án tỉnh Thái Bình, ít nhất có 03 lần các cán bộ địa chính của UBND huyện Hưng H và của UBND xã Thái H đã đến làm việc, đo đạc để xác định vị trí, kích thước, tứ cận để cấp GCNQSDĐ cho bà N đối với 288m² đất này nhưng không xác định được ranh giới, mốc giới. Ông đều có mặt chứng kiến sự việc này. Đề nghị Tòa án và UBND huyện Hưng H làm đúng theo pháp luật trong việc cấp GCNQSDĐ cho bà N, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2021/HC-ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính. Căn cứ các Điều 7, 9, 18, 27, 28, 29 và 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 9000/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Vũ Thị N; yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) do Quyết định số 9000/QĐ-UBND gây nên. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là bà Vũ Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện vẫn giữ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và giải quyết lại vụ án đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của bà Vũ Thị N.

Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tổ tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của bà Vũ Thị N và giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 25/2021/HC-ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính; Người bị kiện, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 4 Điều 255 Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền khởi kiện: Ngày 29/12/2020, bà Vũ Thị N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9000/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Hưng H, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Vũ Thị N và yêu cầu bồi thường thiệt hại do Quyết định số 9000/QĐ-UBND gây ra. Khiếu kiện của bà N có liên quan đến việc yêu cầu cấp GCNQSDĐ, xét đây là quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định bị khởi kiện: Năm 2019, bà N gửi đơn đến UBND huyện Hưng H, đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với số diện tích 288m² đất nông nghiệp, theo Bản án số 02/2016/DSST ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hưng H và Bản án số 06/2017/DS-PT ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Tại Văn bản số 958/UBND-TNMT ngày 01/10/2019, UBND huyện Hưng H trả lời đơn bà N với nội dung: “Chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đối với số diện tích 288m² đất nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai, vì 02 Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành”. Không đồng ý, bà N có đơn khiếu nại. Ngày 02/3/2020, Chủ tịch UBND huyện Hưng H ban hành Quyết định số 1237/QĐ-UBND, thụ lý giải quyết khiếu

nại lần đầu của bà Vũ Thị N, thành lập Tổ xác minh khiếu nại để tiến hành xác minh và tổ chức đối thoại theo quy định. Ngày 03/12/2020, Căn cứ kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Tổ xác minh tại Báo cáo số 06/BC-TXM ngày 12/11/2020 và kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND huyện Hưng H ban hành Quyết định số 9000/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Vũ Thị N. Như vậy, về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Hưng H đối với bà N, được thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 7, 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết khiếu nại chưa phù hợp Điều 28 Luật Khiếu nại 2011 như bản án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[4]. Về căn cứ ban hành quyết định bị khởi kiện: Hồ sơ tài liệu quản lý đất đai qua các thời kỳ tại UBND xã Thái H thể hiện, diện tích 288m² đất nông nghiệp mà bà Vũ Thị N đang sử dụng, trước đây là diện tích đất cù hoang do UBND xã Thái H quản lý, liền kề với thửa đất ao số 61 (bản đồ 299 đo đạc năm 1986) của cụ Trần Thị P1 (là mẹ đẻ bà N), bản đồ 299 diện tích đất này không có số thửa. Năm 2000, thực hiện Quyết định số 948/2000/QĐ-UB ngày 25/9/2000 của UBND tỉnh Thái Bình, UBND xã Thái H cân đối giao bổ sung đất nông nghiệp cho gia đình bà N vào đoạn cù hoang này, trừ 57m² đất nông nghiệp giao ngoài đồng của gia đình bà N. Từ năm 2002, bà N liên tục có đơn đề nghị UBND xã Thái H, UBND huyện Hưng H giải quyết về việc tranh chấp đất đai với ông Vũ Hữu P, cho rằng năm 1988 bà N đã mua của cụ Trần Thị P1 (là mẹ đẻ N) toàn bộ diện tích tại các thửa đất số 59, 60, 61, thuộc tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299 đo đạc năm 1986), sau khi cụ P1 chết năm 2000, đến năm 2008 ông P3 về xây nhà ở và chiếm đoạt diện tích đất trên. Đề nghị công nhận toàn bộ diện tích đất trên là của bà N. Từ năm 2007 đến năm 2011, UBND xã Thái H và Thanh tra huyện Hưng H đã nhiều lần xác minh, kết luận bà N chỉ có quyền sử dụng 288m² đất ao (được quy đổi từ ruộng ngoài đồng), diện tích còn lại là của cụ Trần Thị P1, do ông P3 đang quản lý. Năm 2013, bà N khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với ông P3 gồm: 1270,5m² là đất của cụ P1 (mẹ bà) bán cho và 288m² là tài sản riêng bà N được cấp vào năm 2000. Bản án của Tòa án các cấp đã bác đơn khởi kiện của bà N, xác định diện tích 1270,5m² đất tại 3 thửa số 59, 60, 61, theo bản đồ 299 là tài sản riêng của cụ Trần Thị P1; diện tích 288m² đất vườn (là đất trừ ruộng cơ bản ngoài đồng) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà N. Năm 2018, khi bà N đề nghị đến các cơ quan có thẩm quyền tách phần diện tích 288m², để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ; ngày 25/7/2018, UBND xã Thái H phối hợp cùng với các phòng, ngành liên quan của huyện, cơ sở thôn Tổng X làm việc với bà Vũ Thị N và ông Vũ Đức P3 để hướng dẫn, thống nhất ranh giới, mốc giới thửa đất. Tại buổi làm việc, ông P3 đã đồng ý với các ý kiến đề xuất, hướng dẫn của UBND xã Thái H và các phòng ngành chuyên môn, trong việc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất để tách diện tích đất 288m² cho bà N, nhưng bà N không đồng ý. Ngày 10/7/2020, Tổ xác minh của UBND huyện Hưng H phối hợp cùng UBND xã Thái H và các bên có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà N, để tách riêng diện tích 288m² đất nông nghiệp thành thửa đất mới, để làm căn cứ xem xét cấp GCNQSDĐ cho bà N; song ông Vũ Đức P3 không đồng ý việc đo đạc, với lý do các Bản dân sự của Tòa án nhân dân các cấp về giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà N với ông chưa được thi hành. Xét thấy, việc bà N có quyền sử dụng diện tích 288m² đất nông nghiệp và

đề nghị được cấp GCNQSDĐ là nguyện vọng chính đáng và hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất bà N đã tự ý san lấp, chuyển mục đích sử dụng đất, xây nhà trên một phần diện tích đất này, sử dụng lấn vào một phần diện tích thửa đất ao số 61 (bản đồ 299 đo đạc năm 1986) của cụ P1, làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất. Do đó diện tích 288m² nông nghiệp này đã bị thay đổi hiện trạng, không còn xác định được mốc giới. Đến năm 2006, khi thực hiện đo đạc lập Bản đồ địa chính, do bà N không có ở nhà và hiện trạng thửa đất đã thay đổi, nên khi đo đạc không xác định được ranh giới, mốc giới thửa đất; đơn vị đo đạc đã đo gộp diện tích 288m² đất trên vào 2 thửa đất, thửa số 67, diện tích 790,4m², loại đất ONT, LNK và thửa đất số 105, diện tích 591,9m², loại đất NTS của cụ Trần Thị P1 (là mẹ đẻ bà N). Tại các Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2016/DSST ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hưng H, Bản án Dân sự phúc thẩm số 06/2017/DSPT ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, đồng thời trong Bản án cũng đã xác định: “...*diện tích 288m² đất được UBND xã Thái H giao sử dụng từ năm 2000 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà N; trong quá trình sử dụng bà N đã tự ý vượt lập, làm mất hiện trạng và xây dựng nhà ở lên phần diện tích đất ao này, đồng thời xây nhà lấn vào thửa ao số 61 của cụ Trần Thị P1...*”. Nhận định nêu trên phù hợp trình bày của bà xác định đã xây dựng nhà và công trình trên đất này từ những năm 1992 – 1993. Bà N cho rằng các Bản án nêu trên không đúng theo quy định và chưa có hiệu lực, vì bà N đã có đơn khiếu nại lên Tòa án cấp trên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà N xuất trình Thông báo số 700/TB-TANDCC-DS ngày 29/11/2019 với nội dung: “*Không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án 06/2017/DSPT ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình*”. Như vậy, các Bản án nêu trên đều đã có hiệu lực pháp luật, bà N cũng như các đương sự khác có trách nhiệm thi hành. Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ diện tích đất bà N đề nghị UBND huyện Hưng H cấp GCNQSDĐ, bà N chỉ mốc giới cụ thể, tuy nhiên các mốc giới bà N chỉ đều không đúng theo các giấy tờ, tài liệu còn lưu giữ tại UBND xã Thái H, các mốc đó đã lấn vào phần diện tích ao của ông P3 đang sử dụng hợp pháp, nên ông P3 không đồng ý với các mốc mà bà N chỉ. UBND huyện Hưng H ban hành văn bản số 958/UBND-TNMT xác định căn cứ chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, vì 02 Bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành là chưa đầy đủ, tuy nhiên không làm thay đổi bản chất của vụ việc. Sau khi bà N có khiếu nại, UBND huyện Hưng H đã tiến hành xác minh, hòa giải đối thoại để xác định mốc giới diện tích 288m² đất, nhưng ông P3 đang có tranh chấp với bà N, nên không xác định được mốc giới, mốc giới bà N chỉ cũng không phù hợp với các tài liệu chứng cứ lưu giữ tại chính quyền địa phương, nên không có đủ điều kiện để xem xét cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật Đất đai. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 9000/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Hưng H đã đánh giá đầy đủ nguồn gốc đất, tài liệu chứng minh qua các thời kỳ đo đạc, hiện trạng sử dụng và kết quả xác minh đối thoại, từ đó quyết định không đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ đối với số diện tích 288m² đất nông nghiệp là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Với các nhận định nêu trên của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, về việc yêu cầu hủy Quyết định số 9000/QĐ-UBND của bà Vũ Thị N và bác yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000đ

(Một trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, các căn cứ kháng cáo của bà Vũ Thị N là không có cơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà Vũ Thị N kháng cáo không được chấp nhận, nhưng bà Vũ Thị N thuộc đối tượng hộ nghèo, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị N.
 2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2021/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.
 3. Về án phí: Bà Vũ Thị N không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.
 4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đình Lực